

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 95/2023/HS-ST
Ngày: 30-5-2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT, TỈNH LÂM ĐỒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương Lý

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh

Ông Trương Minh Thọ

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Ngọc Phú – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Ông Đinh Đăng Nghĩa - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 5 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 105/2023/TLST-HS ngày 05 tháng 4 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 89/2023/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 5 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 45/2023/QĐST-HS ngày 18 tháng 5 năm 2023 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Đàm Danh D**; Tên gọi khác: Không;

Sinh ngày 12 tháng 7 năm 1999 tại Thanh Hóa;

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không;

Nơi cư trú: thị trấn TP, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa.

Tạm trú tại: hẻm K HP, Phường R, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng

Học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Tự do.

Con ông: Đàm Danh Đ; Con bà: Nguyễn Thị H

Gia đình có hai anh em, lớn là bị cáo, nhỏ sinh năm 2002.

Vợ, con: chưa có;

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: tại quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 898/QĐ-XPVPHC, ngày 16/12/2021, Công an thành phố Đà Lạt xử phạt vi phạm hành chính số tiền 200.000 đồng do đã thực hiện hành vi vi phạm hành chính “Có cử chỉ, lời nói thô bạo, khiêu khích, trêu ghẹo, xúc phạm danh dự, nhân phẩm của người khác”.

Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú tại Phường R, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng. Có mặt

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Vũ Thị Hoàng Y

Địa chỉ: số A đường V, Phường U, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng

2. Bà Nguyễn Thị Thanh H1

Địa chỉ: căn A chung cư Q, Phường Y, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng

3. Bà Lê Thị Hoa P

Địa chỉ: số S đường P, Phường U, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng

4. Bà Nguyễn Thị Bích T

Địa chỉ: số C đường H, Phường Y, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng

5. Bà Nguyễn Thị Trâm A

Địa chỉ: số V đường X, Phường E, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng giữa năm 2021, Đàm Danh D từ Thanh Hóa vào thành phố Đà Lạt thuê nhà tại số K Lê Hồng Phong, Phường 4, thành phố Đà Lạt để ở cùng với Nguyễn Văn Anh, sinh năm 1999. Quá trình sinh sống tại đây, D đã tổ chức cho vay tiền trả góp cả gốc và lãi theo ngày để kiếm tiền lời, với lãi suất từ 30%/tháng trở lên (tương đương 360%/năm trở lên). Số tiền D cho vay dao động từ 10.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng. Để tìm kiếm người có nhu cầu vay tiền, D đặt in các tờ rơi ghi nội dung “Hỗ trợ tài chính” kèm số điện thoại 0911.901.658 và rải ở nơi công cộng để người nào có nhu cầu vay tiền thì gọi điện liên hệ số điện thoại của D, khi có khách gọi điện hỏi vay tiền thì D hẹn gặp khách để tìm hiểu các thông tin cá nhân như: nghề nghiệp, địa chỉ nhà, công việc, gia đình, giấy tờ tùy thân (CMND, giấy đăng ký xe mô tô, bằng lái xe,...) mục đích là để xác định mức tiền cho vay đối với người vay. Sau khi thống nhất mức tiền cho vay, hình thức trả, mức trả tiền gốc, tiền lãi, số ngày trả thì D sẽ cho vay và thực hiện việc thu tiền góp hàng ngày của khách vay. Khi cho vay tiền, D giữ một số giấy tờ của người vay như: giấy chứng minh nhân dân; giấy đăng ký xe mô tô.... Việc quản lý hoạt động cho vay, D sử dụng điện thoại cá nhân làm phương tiện liên lạc và lưu giữ thông tin về người vay.

Quá trình điều tra đã làm rõ được Đàm Danh D cho 04 người vay với tổng số tiền cho vay là 195.000.000 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 69.678.082 đồng, cụ thể như sau:

1. Vũ Thị Hoàng Y, vay tiền của D 05 lần, cụ thể:

- Lần 1: Vào tháng 5 năm 2021, chị Y vay của D số tiền là 30.000.000 đồng trong thời gian 25 ngày, lãi suất thỏa thuận là 30%/tháng, mỗi ngày chị Y phải

trả tiền gốc và tiền lãi là 1.500.000 đồng (tổng tiền phải trả là 37.500.000 đồng), khi đưa tiền thì D thu của chị Y 3.000.000 đồng tiền phí vay. Khoản vay này chị Y đã trả đủ cho D 37.500.000 đồng tiền gốc và tiền lãi (trong đó tiền gốc là 30.000.000 đồng và tiền lãi là 7.500.000 đồng). Số tiền D thu lợi bất chính là 10.089.041 đồng (gồm 7.089.041 đồng lãi bất hợp pháp + 3.000.000 đồng tiền phí vay).

- Lần 2: Vào tháng 6 năm 2021, chị Y tiếp tục vay của D số tiền là 30.000.000 đồng trong thời gian 25 ngày, lãi suất thỏa thuận là 30%/tháng, mỗi ngày chị Y phải trả tiền gốc và tiền lãi là 1.500.000 đồng (tổng tiền phải trả là 37.500.000 đồng), khi đưa tiền thì D thu của chị Y 3.000.000 đồng tiền phí vay. Khoản vay này chị Y đã trả đủ cho D 37.500.000 đồng tiền gốc và tiền lãi (trong đó tiền gốc là 30.000.000 đồng và tiền lãi là 7.500.000 đồng). Số tiền D thu lợi bất chính là 10.089.041 đồng (gồm 7.089.041 đồng lãi bất hợp pháp + 3.000.000 đồng tiền phí vay).

- Lần 3: Vào tháng 7 năm 2021, chị Y tiếp tục vay của D số tiền là 30.000.000 đồng trong thời gian 25 ngày, lãi suất thỏa thuận là 30%/tháng, mỗi ngày chị Y phải trả tiền gốc và tiền lãi là 1.500.000 đồng (tổng tiền phải trả là 37.500.000 đồng), khi đưa tiền thì D thu của chị Y 3.000.000 đồng tiền phí vay. Khoản vay này chị Y đã trả đủ cho D 37.500.000 đồng tiền gốc và tiền lãi (trong đó tiền gốc là 30.000.000 đồng và tiền lãi là 7.500.000 đồng). Số tiền D thu lợi bất chính là 10.089.041 đồng (gồm 7.089.041 đồng lãi bất hợp pháp + 3.000.000 đồng tiền phí vay).

- Lần 4: Vào tháng 10 năm 2021, chị Y tiếp tục vay của D số tiền là 30.000.000 đồng trong thời gian 25 ngày, lãi suất thỏa thuận là 30%/tháng, mỗi ngày chị Y phải trả tiền gốc và tiền lãi là 1.500.000 đồng (tổng tiền phải trả là 37.500.000 đồng), khi đưa tiền thì D thu của chị Y 3.000.000 đồng tiền phí vay. Khoản vay này chị Y đã trả đủ cho D 37.500.000 đồng tiền gốc và tiền lãi (trong đó tiền gốc là 30.000.000 đồng và tiền lãi là 7.500.000 đồng). Số tiền D thu lợi bất chính là 10.089.041 đồng (gồm 7.089.041 đồng lãi bất hợp pháp + 3.000.000 đồng tiền phí vay).

- Lần 5: ngày 01 tháng 10 năm 2021, chị Y tiếp tục vay của D số tiền là 10.000.000 đồng, trong thời hạn 10 ngày trả lãi 1 lần với số tiền 2.500.000 đồng cho đến khi tất toán khoản vay (lãi suất 75%/tháng). Khoản vay này chị Y đã trả cho D tổng số tiền 20.000.000 đồng (gồm 10.000.000 đồng tiền gốc và 10.000.000 đồng tiền lãi của 40 ngày). Số tiền D thu lợi bất chính là 9.780.822 đồng.

Tổng số tiền chị Vũ Thị Hoàng Y đã vay của D là 130.000.000 đồng; tổng số tiền đã trả là 170.000.000 đồng (trong đó tiền gốc là 130.000.000 đồng, tiền lãi hợp pháp là 1.863.014 đồng và tiền lãi bất hợp pháp là 38.136.986 đồng). Tổng số

tiền D thu lợi bất chính là 50.136.986 đồng (gồm: tiền lãi bất hợp pháp là 38.136.986 đồng + 12.000.000 đồng tiền phí vay).

2/ Nguyễn Thị Thanh H1, vay của Đàm Danh D 01 lần, cụ thể:

Ngày 13/11/2021, chị H1 vay của D số tiền 10.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận là 30%/tháng, thời hạn vay là 25 ngày, mỗi ngày phải trả tiền gốc và tiền lãi cho D là 500.000 đồng trong thời hạn là 25 ngày (tổng tiền phải trả là 12.500.000 đồng). Khoản vay này chị H1 đã trả cho bị cáo tổng cộng 6.500.000 đồng tiền gốc và tiền lãi (trong đó tiền gốc là 4.000.000 đồng và tiền lãi là 2.500.000 đồng), hiện còn nợ lại bị cáo số tiền 6.000.000 đồng tiền gốc. Số tiền D thu lợi bất chính là 2.363.014 đồng.

3/ Lê Thị Hoa P, vay tiền của D 02 lần:

- Lần 1: Vào tháng 6 năm 2021, chị P vay của D số tiền là 15.000.000 đồng trong thời gian 25 ngày, lãi suất thỏa thuận là 36%/tháng, mỗi ngày chị Y phải trả tiền gốc và tiền lãi là 750.000 đồng (tổng tiền phải trả là 18.750.000 đồng), khi đưa tiền thì D thu của chị P 750.000 đồng tiền phí vay. Khoản vay này chị P đã trả đủ cho D 18.750.000 đồng tiền gốc và tiền lãi (trong đó tiền gốc là 15.000.000 đồng và tiền lãi là 3.750.000 đồng). Số tiền D thu lợi bất chính là 4.294.521 đồng (gồm 3.544.521 đồng lãi bất hợp pháp + 750.000 đồng tiền phí vay).

- Lần 2: ngày 04 tháng 10 năm 2021, chị P tiếp tục vay của D số tiền là 10.000.000 đồng, trong thời hạn 05 ngày trả lãi 1 lần với số tiền 750.000 đồng cho đến khi tất toán khoản vay (lãi suất 54%/tháng), khi đưa tiền D thu của chị P 750.000 đồng tiền phí. Khoản vay này chị P đã trả cho D tổng số tiền 3.750.000 đồng tiền lãi và còn nợ lại 10.000.000 đồng tiền gốc. Số tiền D thu lợi bất chính là 4.294.521 đồng.

Tổng số tiền chị Lê Thị Hoa P đã vay của D là 25.000.000 đồng; tổng số tiền đã trả là 22.500.000 đồng (trong đó tiền gốc là 15.000.000 đồng, tiền lãi hợp pháp là 410.958 đồng và tiền lãi bất hợp pháp là 7.089.042 đồng). Tổng số tiền D thu lợi bất chính là 8.589.042 đồng (gồm: tiền lãi bất hợp pháp là 7.089.042 đồng và 1.500.000 đồng tiền phí vay). Số tiền gốc chị P còn nợ lại là 10.000.000 đồng.

4/ Nguyễn Thị Bích T, sinh năm: 1969, chỗ ở: số 68, đường Tô Hiệu, phường 7, thành phố Đà Lạt, vay tiền của D 02 lần:

- Lần 1: Vào tháng 6 năm 2021, bà T vay của D số tiền là 10.000.000 đồng trong thời gian 25 ngày, lãi suất thỏa thuận là 30%/tháng, mỗi ngày bà Phụng phải trả tiền gốc và tiền lãi là 500.000 đồng (tổng tiền phải trả là 12.500.000 đồng), khi đưa tiền thì D thu của bà T 500.000 đồng tiền phí vay. Khoản vay này bà T đã trả đủ cho D 12.500.000 đồng tiền gốc và tiền lãi (trong đó tiền gốc là 10.000.000 đồng và tiền lãi là 2.500.000 đồng). Số tiền D thu lợi bất chính là

2.863.014 đồng (gồm 2.363.014 đồng lãi bất hợp pháp + 500.000 đồng tiền phí vay).

- Lần 2: Vào ngày 05 tháng 10 năm 2021, bà T tiếp vay của D số tiền là 10.000.000 đồng trong thời gian 25 ngày, lãi suất thỏa thuận là 30%/tháng, mỗi ngày bà Phượng phải trả tiền gốc và tiền lãi là 500.000 đồng (tổng tiền phải trả là 12.500.000 đồng), khi đưa tiền thì D thu của bà T 500.000 đồng tiền phí vay. Khoản vay này bà T đã trả đủ cho D 12.500.000 đồng tiền gốc và tiền lãi (trong đó tiền gốc là 10.000.000 đồng và tiền lãi là 2.500.000 đồng). Số tiền D thu lợi bất chính là 2.863.014 đồng (gồm 2.363.014 đồng lãi bất hợp pháp + 500.000 đồng tiền phí vay).

- Lần 3: Vào ngày 18 tháng 11 năm 2021, bà T tiếp vay của D số tiền là 10.000.000 đồng trong thời gian 25 ngày, lãi suất thỏa thuận là 30%/tháng, mỗi ngày bà Phượng phải trả tiền gốc và tiền lãi là 500.000 đồng (tổng tiền phải trả là 12.500.000 đồng), khi đưa tiền thì D thu của bà T 500.000 đồng tiền phí vay. Khoản vay này bà T đã trả cho D 5.500.000 đồng tiền gốc và tiền lãi (trong đó tiền gốc là 3.000.000 đồng và tiền lãi là 2.500.000 đồng), hiện còn nợ lại 7.000.000 đồng tiền gốc. Số tiền D thu lợi bất chính là 2.863.014 đồng (gồm 2.363.014 đồng lãi bất hợp pháp + 500.000 đồng tiền phí vay).

Tổng số tiền bà Nguyễn Thị Bích T đã vay của D là 30.000.000 đồng; tổng số tiền đã trả là 30.500.000 đồng (trong đó tiền gốc là 23.000.000 đồng, tiền lãi hợp pháp là 410.958 đồng và tiền lãi bất hợp pháp là 7.089.042 đồng). Tổng số tiền D thu lợi bất chính là 8.589.042 đồng (gồm: tiền lãi bất hợp pháp là 7.089.042 đồng và 1.500.000 đồng tiền phí vay). Số tiền gốc bà T còn nợ lại là 7.000.000 đồng.

Như vậy, từ tháng 4 năm 2021 đến tháng 11 năm 2021, Đàm Danh D đã cho 04 người vay tiền với lãi suất vượt quá 5 lần mức lãi suất được quy định với tổng số tiền cho vay là 195.000.000 đồng, số tiền bị cáo thu lợi bất chính là 69.678.082 đồng.

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra thu giữ các vật chứng sau:

- Thu giữ của Đàm Danh D: 01 điện thoại di động Nokia màu đen; 01 điện thoại di động Iphone 12 màu xanh; 01 căn cước công dân mang tên Đàm Danh D; 01 thẻ ATM ngân hàng VIB mang tên Đàm Danh D; 01 Chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Thị Trâm A (bản gốc); 01 Giấy phép lái xe mang tên Nguyễn Thị Bích T (bản gốc); 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô tên Nguyễn Văn Bình (bản gốc); 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô tên Lưu Việt T1 (bản gốc); 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô tên Đinh Quang Đ (bản gốc).

- Thu giữ của Nguyễn Văn Anh: 01 điện thoại di động hiệu Vivo 2015 màu đen; 01 Căn cước công dân mang tên Nguyễn Văn Anh; 01 Chứng minh nhân

dân mang tên Nguyễn Thị Th; 01 giấy phép lái xe mang tên Nguyễn Duy Q; 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô tên Huỳnh Quang M; 01 giấy Chứng minh nhân dân tên Trần Vi T2; 01 giấy mượn tiền của Nguyễn Thị Tuyết N mượn của Nguyễn Văn B số tiền 60.000.000 đồng. Cơ quan điều tra tiếp tục tạm giữ các tài sản và giấy tờ thu giữ của Nguyễn Văn Anh để xác minh làm rõ.

Tại bản cáo trạng số 84/CT-VKSĐL-LĐ, ngày 20/3/2023, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt truy tố bị cáo Đàm Danh D về tội “*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*” theo khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội, không thắc mắc, khiếu nại bản cáo trạng, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt giữ nguyên quan điểm truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 201; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo từ 120.000.000 đồng đến 150.000.000 đồng.

Xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 47 của Bộ luật hình sự;

- Tịch thu sung công quỹ nhà nước: 01 điện thoại di động Nokia màu đen; 01 điện thoại di động Iphone 12 màu xanh, bị cáo sử dụng làm công cụ phạm tội

- Trả lại cho bị cáo: 01 căn cước công dân mang tên Đàm Danh D; 01 thẻ ATM ngân hàng VIB mang tên Đàm Danh D.

- Giao lại cho Cơ quan điều tra: 01 CMND mang tên Nguyễn Thị Trâm A (bản gốc); 01 Giấy phép lái xe mang tên Nguyễn Thị Bích T (bản gốc); 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô tên Nguyễn Văn Bình (bản gốc); 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô tên Lưu Việt T1 (bản gốc); 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô tên Đinh Quang Đ (bản gốc) để tiếp tục xác minh làm rõ theo quy định của pháp luật.

Về biện pháp tư pháp:

- Truy thu sung công quỹ số tiền gốc 195.000.000 đồng mà bị cáo sử dụng để phạm tội và Số tiền lãi hợp pháp là 2.821.918 đồng đã thu của người vay tiền, gồm:

- + Truy thu của bị cáo Nguyễn Quốc Việt số tiền 172.000.000 đồng tiền gốc đã thu lại của những người vay tiền và Số tiền lãi hợp pháp là 2.821.918 đồng đã thu của người vay tiền để sung công quỹ nhà nước. Tổng số tiền phải truy thu của bị cáo là 174.821.918 đồng

- + Truy thu số tiền gốc 23.000.000 đồng của người liên quan chưa trả lại cho bị cáo, gồm: Nguyễn Thị Thanh H1 số tiền 6.000.000 đồng; Lê Thị Hoa P số tiền 10.000.000 đồng; Nguyễn Thị Bích T số tiền 7.000.000 đồng; .

- Buộc bị cáo D trả lại số tiền lãi vượt mức quy định của pháp luật là 54.678.082 đồng và số tiền phí vay là 15.000.000 đồng cho người liên quan, gồm:

1. Vũ Thị Hoàng Y số tiền 38.136.986 đồng tiền lãi vượt mức và 12.000.000 đồng tiền phí
2. Nguyễn Thị Thanh H1 số tiền 2.363.014 đồng tiền lãi vượt mức
3. Lê Thị Hoa P số tiền 7.089.042 đồng tiền lãi vượt mức và 1.500.000 đồng tiền phí
4. Nguyễn Thị Bích T số tiền 7.089.042 đồng tiền lãi vượt mức và 1.500.000 đồng tiền phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng trong điều tra, truy tố, xét xử: Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

Tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do, tuy nhiên xét thấy việc vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án nên căn cứ Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2]. Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Tại phiên toàn, bị cáo khai nhận: từ tháng 4 năm 2021 đến tháng 11 năm 2021, bị cáo đã cho 04 người vay tiền với số tiền cho vay là 195.000.000 đồng, lãi suất từ 30% đến 54%/tháng, tương đương 360% đến 648%/năm, gấp 18 đến 32,4 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự, số tiền bị cáo thu lợi bất chính là 69.678.082 đồng.

Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai tại giai đoạn điều tra, phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, do đó, có đủ cơ sở kết luận bị cáo phạm tội “*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*” như cáo trạng đã truy tố là đúng người, đúng tội.

[3]. Tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo không thuộc trường hợp bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Bị cáo thật thà khai báo, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[4]. Về quyết định hình phạt: Xét thấy, hiện nay hành vi cho vay lãi nặng đang có xu hướng gia tăng, là nguyên nhân làm phát sinh nhiều loại tội phạm khác, gây mất an ninh trật tự, mất ổn định xã hội, ảnh hưởng đến đời sống của nhân dân. Bản thân bị cáo là người đã thành niên, nhận thức được hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự là hành vi bị pháp luật nghiêm cấm nhưng chỉ vì tư lợi cá nhân mà bị cáo vẫn cố ý thực hiện là thể hiện sự liều lĩnh và xem thường pháp luật. Hành vi của bị cáo thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, không chỉ gây ảnh hưởng trực tiếp tới quyền và lợi ích hợp pháp của người vay tiền mà còn xâm phạm đến trật tự quản lý của Nhà nước trong lĩnh vực kinh doanh tiền tệ.

Bị cáo phạm tội “*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*”, tội phạm và hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự nên áp dụng nghiêm khắc hình phạt tiền là hình phạt chính đối với bị cáo.

[5]. Về biện pháp tư pháp:

5.1. Đối với khoản tiền dùng để cho vay và lãi suất theo quy định:

Đối với số tiền gốc bị cáo bỏ ra để cho vay là 195.000.000 đồng, trong đó người vay đã trả là 172.000.000 đồng và tiền lãi hợp pháp bị cáo đã thu của những người vay là 2.821.918 đồng là số tiền sử dụng vào việc phạm tội và tiền lãi tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định nên buộc bị cáo nộp lại số tiền này để tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước, tổng cộng là 174.821.918 đồng.

5.2. Về số tiền lãi vượt quá quy định và tiền phí dịch vụ:

Đối với tổng số tiền lãi vượt quá quy định và tiền phí dịch vụ mà bị cáo đã thu của người vay thì buộc bị cáo trả lại cho người vay tiền, cụ thể:

- Trả cho bà Vũ Thị Hoàng Y: 50.136.986 đồng;
- Trả lại cho bà Nguyễn Thị Thanh H1: 2.363.014 đồng;
- Trả lại cho bà Lê Thị Hoa P: 8.589.041 đồng;
- Trả lại cho bà Nguyễn Thị Bích T: 8.589.041 đồng.

5.3. Đối với số tiền người vay chưa trả:

Đối với số tiền gốc mà những người vay chưa trả cho bị cáo, đây là khoản tiền bị cáo sử dụng vào việc phạm tội nên buộc những người vay nộp lại để sung quỹ nhà nước, cụ thể:

- Buộc bà Nguyễn Thị Thanh H1 phải nộp 6.000.0000 đồng để tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

- Buộc bà Lê Thị Hoa P phải nộp 10.000.000 đồng để tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

- Buộc bà Nguyễn Thị Bích T phải nộp 7.000.000 đồng để tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

[6]. Về vật chứng: các vật chứng cơ quan cảnh sát điều tra công an thành phố Đà Lạt thu giữ và chuyển sang Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đà Lạt theo biên bản giao, nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng ngày 06/4/2023 gồm:

- 01 (một) điện thoại Nokia màu đen có số IMEI 352415908732518, 352415909732517 (đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng bên trong), bị cáo khai nhận sử dụng điện thoại này vào việc phạm tội nên tuyên tịch thu sung quỹ Nhà nước.

- 01 (một) điện thoại Iphone 12 màu xanh có số IMEI 355877335107548 (đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng); 01 (một) thẻ căn cước công dân số 038099013093 mang tên Đàm Danh D do Cục CSQLHC về TTXH cấp ngày 07/10/2020 (bản gốc); 01 (một) thẻ ATM ngân hàng VIB số 5318280007374220 mang tên DAM DANH DUONG là các tài sản, giấy tờ của Đàm Danh D, quá trình điều tra xác định bị cáo không dùng các tài sản trên vào việc phạm tội nên tuyên trả lại nhưng tiếp tục tạm giữ điện thoại để đảm bảo thi hành án.

- 01 (một) chứng minh nhân dân số 250689887 mang tên Nguyễn Thị Trâm A do Công an tỉnh Lâm Đồng cấp ngày 07/10/2019 (bản gốc) tuyên trả lại cho bà Nguyễn Thị Trâm A.

- 01 (một) giấy phép lái xe số 791179027401 mang tên Nguyễn Thị Bích T do Sở Giao thông vận tải tỉnh Lâm Đồng cấp ngày 08/6/2021 (bản gốc) tuyên trả lại cho bà Nguyễn Thị Bích T.

- 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số 36015908 do Phòng CSGT Công an tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 11/3/2021, tên chủ xe Nguyễn Văn Bình (bản gốc); 01 (một) giấy đăng ký mô tô, xe máy số 0029075 do Phòng CSGT - Công an tỉnh Lâm Đồng cấp ngày 15/11/2002, họ và tên chủ xe: Lưu Việt Tuấn (bản gốc); 01 (một) giấy đăng ký mô tô, xe máy số 088667 do Phòng CSGT - Công an tỉnh Khánh Hòa cấp ngày 07/9/2014, họ và tên chủ xe: Đinh Quang Đức (bản gốc), hiện cơ quan cảnh sát điều tra công an thành phố Đà Lạt chưa xác minh làm rõ chủ sở hữu nên tuyên giao cho Cơ quan cảnh sát điều tra công an thành phố Đà Lạt tiếp tục xác minh làm rõ và xử lý theo quy định của pháp luật.

[7]. Về án phí: bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định. Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bị cáo.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố: bị cáo Đàm Danh D phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 201; điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự;

Căn cứ Điều 135 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử phạt: bị cáo Đàm Danh D số tiền 150.000.000đ (một trăm năm mươi triệu đồng) để sung vào ngân sách Nhà nước.

Về biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 47, 48 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, tuyên:

- Buộc bị cáo Đàm Danh D nộp số tiền 174.821.918đ (một trăm bảy mươi bốn triệu tám trăm hai mươi một nghìn chín trăm mười tám đồng) để tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

- Buộc bị cáo Đàm Danh D phải trả lại cho các người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, cụ thể:

Trả cho bà Vũ Thị Hoàng Y: 50.136.986 đồng (năm mươi triệu một trăm ba mươi sáu nghìn chín trăm tám mươi sáu đồng);

Trả lại cho bà Nguyễn Thị Thanh H1: 2.363.014 đồng (hai triệu ba trăm sáu mươi ba nghìn không trăm mười bốn đồng);

Trả lại cho bà Lê Thị Hoa P: 8.589.041 đồng (tám triệu năm trăm tám mươi chín nghìn không trăm bốn mươi một đồng);

Trả lại cho bà Nguyễn Thị Bích T: 8.589.041 đồng (tám triệu năm trăm tám mươi chín nghìn không trăm bốn mươi một đồng).

- Buộc bà Nguyễn Thị Thanh H1 phải nộp 6.000.0000 đồng (sáu triệu đồng) để tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

- Buộc bà Lê Thị Hoa P phải nộp 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) để tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

- Buộc bà Nguyễn Thị Bích T phải nộp 7.000.000 đồng (bảy triệu đồng) để tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

Về xử lý vật chứng cơ quan cảnh sát điều tra công an thành phố Đà Lạt thu giữ và chuyển sang Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đà Lạt theo biên bản giao, nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng ngày 06/4/2023:

- Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước 01 (một) điện thoại Nokia màu đen có số IMEI 352415908732518, 352415909732517 (đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng bên trong);

- Trả lại cho bị cáo Đàm Danh D: 01 (một) điện thoại Iphone 12 màu xanh có số IMEI 355877335107548 (đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng); 01

(một) thẻ căn cước công dân số 038099013093 mang tên Đàm Danh D do Cục CSQLHC về TTXH cấp ngày 07/10/2020 (bản gốc); 01 (một) thẻ ATM ngân hàng VIB số 5318280007374220 mang tên DAM DANH DUONG nhưng tiếp tục tạm giữ điện thoại để đảm bảo thi hành án.

- Trả lại cho bà Nguyễn Thị Trâm A: 01 (một) chứng minh nhân dân số 250689887 mang tên Nguyễn Thị Trâm A do Công an tỉnh Lâm Đồng cấp ngày 07/10/2019 (bản gốc).

- Trả lại cho bà Nguyễn Thị Bích T: 01 (một) giấy phép lái xe số 791179027401 mang tên Nguyễn Thị Bích T do Sở Giao thông vận tải tỉnh Lâm Đồng cấp ngày 08/6/2021 (bản gốc).

- Giao cho Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an thành phố Đà Lạt: 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số 36015908 do Phòng CSGT Công an tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 11/3/2021, tên chủ xe Nguyễn Văn Bình (bản gốc); 01 (một) giấy đăng ký mô tô, xe máy số 0029075 do Phòng CSGT - Công an tỉnh Lâm Đồng cấp ngày 15/11/2002, họ và tên chủ xe: Lưu Việt Tuấn (bản gốc); 01 (một) giấy đăng ký mô tô, xe máy số 088667 do Phòng CSGT - Công an tỉnh Khánh Hòa cấp ngày 07/9/2014, họ và tên chủ xe: Đinh Quang Đức (bản gốc).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bên phải thi hành án còn phải trả số tiền lãi, tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả, theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Về án phí: buộc bị cáo Đàm Danh D phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm. Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bị cáo.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo có quyền kháng cáo yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc ngày niêm yết bản án./.

Nơi nhận:

- VKSND, TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND Tp.Đà Lạt;
- CQ CSĐT Công an Tp.Đà Lạt;
- CQ THAHS Công an Tp.Đà Lạt;
- Chi cục THADS Tp.Đà Lạt;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hương Lý

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Hương Lý